

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
1.1. Bảng kê nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu (nếu có), thương hiệu của thiết bị)) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Có nêu rõ và đầy đủ các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu (nếu có), thương hiệu của thiết bị) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Đạt
	Không có nêu (hoặc chưa rõ và đầy đủ) các hàng hóa sử dụng cho gói thầu (bao gồm: Tên vật tư, nhãn hiệu và nhà sản xuất) phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V.	Không đạt
1.2. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, niên hạn sử dụng, công nghệ và nguyên nhiên vật liệu,...	- Có đề xuất hàng hóa mới 100% (có năm sản xuất hàng hóa đáp ứng yêu cầu tại Mục 1.2.b Chương V thuộc E-HSMT hoặc năm 2025), có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, niên hạn sử dụng và công nghệ hoàn	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

	toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và có các tài liệu kèm theo theo yêu cầu. - Hãng sản xuất thiết bị phải có đăng ký thương hiệu/nhãn hiệu hợp pháp trên thị trường (theo quy định tùy theo hàng hóa nhập khẩu hay sản xuất trong nước) và có Hệ thống/trung tâm bảo hành hoặc và phân phối chính hãng tại Việt Nam (cung cấp tài liệu chứng minh). - Có cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (Trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất).	
	- Không có đề xuất hàng hóa mới 100% hoặc có năm sản xuất hàng hóa không đáp ứng yêu cầu tại Mục 1.2.b Chương V thuộc E-HSMT, hoặc có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo, niên hạn sử dụng và công nghệ không hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại chương V - Yêu cầu về kỹ thuật của E-HSMT và không có (hoặc có nhưng không đáp ứng/đầy đủ) các tài liệu kèm theo theo yêu cầu, hoặc: - Hãng sản xuất không có đăng ký thương hiệu/nhãn hiệu hợp pháp trên thị trường theo quy định tùy theo hàng hóa nhập khẩu hay sản xuất trong nước) Hoặc không có Hệ thống/trung tâm bảo hành hoặc và phân phối chính hãng tại Việt Nam, hoặc:	Không đạt

	- Không cung cấp giấy phép bán hàng, giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối–hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương (Trường hợp nhà thầu không phải là nhà sản xuất). Lưu ý: Riêng đối với yêu cầu này, việc đánh giá và lựa chọn nhà thầu thực hiện theo E-CDNT 16.2 thuộc chương II của E-HSMT, nhà thầu có trách nhiệm bổ sung, làm rõ (nếu có) trong quá trình đánh giá hoặc cam kết cung cấp (ghi rõ thời gian, thời điểm) trước khi ký kết hợp đồng.	
1.3. Cam kết về hàng hóa	Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau: - Có cam kết cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng minh tính hợp pháp của sản phẩm, tiêu chuẩn sản phẩm (đăng ký nhãn hiệu (nếu có) của hàng hóa; - Có cam kết cung cấp đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) <i>(nếu là hàng hóa nhập khẩu)</i> hoặc Giấy chứng nhận xuất xưởng <i>(nếu là hàng hóa trong nước)</i> và giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) khi giao hàng <i>(đối với các thiết bị chính, không yêu cầu đối với vật tư phụ, phụ kiện phổ biến trên thị trường...)</i>; - Có cam kết cung cấp hàng hóa đúng như dự thầu (xuất xứ, hãng sản xuất, chủng loại, ký mã hiệu, model, thông số kỹ thuật) sau khi trúng thầu và thực hiện hợp đồng, trường hợp sau khi ký hợp đồng hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng nhà thầu thay đổi hàng hóa nhưng không có lý do hợp lý và không được chủ đầu tư chấp thuận thì sẽ bị tính là vi phạm hợp đồng;	Đạt

	- Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu, quá trình bảo hành; - Có cam kết tuân thủ các bước kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng (Đáp ứng yêu cầu tại Khoản 1.3.b, Mục 1, Chương V thuộc E-HSMT); - Có cam kết sẽ cung cấp các phiếu test kiểm tra thử nghiệm, kiểm định các thông số thiết bị chào thầu của đơn vị kiểm định được nhà nước cấp phép hoạt động và độc lập với chủ đầu tư, nhà thầu (nếu có yêu cầu của chủ đầu tư), chi phí duyệt mẫu và test thử nghiệm, kiểm định do nhà thầu chịu.	
	Không có bản cam kết hoặc có cam kết không đáp ứng của một trong các yêu cầu nêu trên.	Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa

Nội dung	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
2.1. Trình bày tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp lắp đặt hàng hóa	- Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng phù hợp yêu cầu của gói thầu và đề xuất của nhà thầu.	Đạt
	- Không có trình bày hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý.	Không đạt
2.2. Trình bày phương án bàn giao, vận hành thử nghiệm, nghiệm thu chất lượng hàng hóa theo quy định của nhà sản xuất	Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng.	Đạt
	Không có trình bày (hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc không hợp lý).	Không đạt

2.3 Biện pháp phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình cung cấp lắp đặt hàng hóa	- Có trình bày đầy đủ, hợp lý, chi tiết và rõ ràng biện pháp phối hợp với chủ đầu tư trong quá trình cung cấp lắp đặt hàng hóa. - Có bản cam kết tất cả cán bộ, nhân viên khi làm việc tại đơn vị sử dụng phải tuân thủ theo quy định, nội quy tại các đơn vị sử dụng.	Đạt
	Không có biện pháp phối hợp, không có bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng.	Không đạt
Kết luận	Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

3. Khả năng thích ứng và tác động đối với môi trường

Nội dung	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
3.1. Khả năng thích ứng hàng hóa về địa lý, môi trường	Có cam kết hàng hóa được cung cấp hoàn toàn thích ứng với điều kiện địa lý, môi trường Việt Nam (hoặc tài liệu chứng minh khả năng thích ứng hàng hóa về địa lý, môi trường).	Đạt
	Không có.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

4. Tiến độ cung cấp hàng hóa

Nội dung	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
4.1. Bảng tiến độ cung cấp lắp đặt hàng hóa chi tiết, hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật ≤ 60 ngày (kể cả ngày lễ, thứ 7 và chủ nhật).	Có bảng tiến độ hoặc bản kế hoạch chi tiết, hợp lý, khả thi.	Đạt
	Không có hoặc có nhưng không chi tiết hoặc không khả thi.	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn chi tiết đều được xác	Đạt

	định là đạt.	
	Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

5. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
5.1. Thời gian bảo hành	- Có đề xuất thời gian bảo hành tối thiểu từng loại thiết bị theo yêu cầu tại Mục 1.2.b Chương V thuộc E-HSMT (từ 01-03 năm tùy loại).	Đạt
	- Có cam kết cung cấp dịch vụ hỗ trợ bảo hành tận nơi sử dụng theo tiêu chuẩn 4 giờ 24x7 từ khi nhận được yêu cầu trong thời gian bảo hành.	
	- Không đáp ứng điều kiện nêu trên	Không đạt
5.2. Nhà thầu trình bày quy trình bảo trì của tất cả các thiết bị thuộc gói thầu	- Nhà thầu có thuyết minh trình bày phương án bảo trì hợp lý và có văn bản cam kết thời gian bảo trì định kỳ 03 tháng/01 lần trong thời gian bảo hành và không được tính phí bảo trì.	Đạt
	- Nhà thầu không có thuyết minh trình bày phương án bảo trì (hoặc có nhưng không hợp lý hoặc không có văn bản cam kết thời gian bảo trì định kỳ 03 tháng/01 lần trong thời gian bảo hành và không được tính phí bảo trì).	Không đạt
5.3. Thời gian sửa chữa, thay thế vật tư - thiết bị	- Có cam kết trong vòng 15 phút kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc đến khắc phục sửa chữa hư hỏng, nhà thầu phải có cán bộ kỹ thuật liên hệ để sắp xếp đến hiện trường xem xét, đánh giá và đưa ra giải pháp thực hiện phù hợp. - Có cam kết cung cấp dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật xử lý sự cố tận nơi sử dụng theo tiêu chuẩn 4 giờ 24x7 trong thời gian bảo hành.	Đạt

	- Có cam kết sửa chữa hư hỏng một cách nhanh nhất (chậm nhất 48 giờ) trừ các trường hợp bất khả kháng (được xác định theo thực tế).	
	Không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng.	Không đạt
Kết luận	Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.	Đạt
	Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.	Không đạt

6. Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	Kết quả đánh giá
Thực hiện, đào tạo, chuyển giao công nghệ hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp.	Có trình bày đầy đủ và chi tiết, rõ ràng.	Đạt
	Không có (hoặc có nhưng không chi tiết hoặc không khả thi).	Không đạt
Kết luận	Tiêu chuẩn được xác định là đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn được xác định là không đạt	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.5 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C) Chương IV:

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Nhà thầu không được phép đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong E-HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá E-HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.